

# LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

## QUYỂN 146

### LUẬN VỀ CĂN (Phần 5)

Hai mươi hai căn này, mấy loại tương ứng với nhân? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Muốn ngăn chặn ý nói về pháp nhân duyên không phải là có thật, hiển bày về pháp nhân duyên quyết định là có thật; cũng vì ngăn chặn ý ngu muội đối với tương ứng, chấp rằng pháp tương ứng không phải là thật, khiến cho biết rõ tương ứng là có thật, mà soạn ra phần luận này.

Ở trong nghĩa này, có người nói: Dựa vào một nhân mà soạn luận, đó là nhân Tương ứng, bởi vì trong này nói đến tương ứng, cho nên dựa vào ý nghĩa ấy để giải thích về văn này.

Hỏi: Hai mươi hai căn này, mấy loại tương ứng với nhân?

Đáp: Mười bốn loại, đó là Ý căn- năm Thọ-năm căn như Tín...và ba căn Vô lậu. Đây là tự Thể của nhân Tương ứng, bởi vì căn tương ứng với pháp tự Thể của nhân Tương ứng, cho nên gọi là tương ứng với nhân.

Hỏi: Mấy loại không tương ứng với nhân?

Đáp: Tám loại, đó là bảy Sắc căn và Mạng căn.

Hỏi: Tám loại này đã không phải là Thể của nhân Tương ứng, vì sao lại nói là không tương ứng với nhân? Đáp: Tám loại này tuy không phải là Thể của nhân Tương ứng, mà không tương ứng với Thể của nhân Tương ứng, cho nên nói là không tương ứng với nhân, điều này có gì sai?

Hỏi: Mấy loại tương ứng với nhân, không tương ứng với nhân?

Đáp: Ngay mười bốn loại trước, phần ít tương ứng với nhân, phần ít không tương ứng với nhân. Phần ít tương ứng với nhân, đó là tự tánh

đối với tánh khác. Phần ít không tương ứng với nhân, đó là tự tánh đối với tự tánh.

Hỏi: Mấy loại không phải là tương ứng với nhân, không phải là không tương ứng với nhân?

Đáp: ngay mười bốn loại trước, phần ít không phải là tương ứng với nhân, phần ít không phải là không tương ứng với nhân. Phần ít không phải là tương ứng với nhân, đó là tự tánh đối với tự tánh. Phần ít không phải là không tương ứng với nhân, đó là tự tánh đối với tánh khác.

Có người nói: Trong này dựa vào hai nhân mà soạn luận, đó là nhân Tương ứng và nhân Câu hữu, bởi vì hai nhân này luôn luôn cùng với pháp ấy không tách rời nhau, cho nên dựa vào ý nghĩa ấy để giải thích về văn này.

Hỏi: Hai mươi hai căn này, mấy loại tương ứng với nhân?

Đáp: Mười bốn loại, đây là tự Thể của hai nhân, bởi vì căn tương ứng với pháp tự Thể của hai nhân, cho nên gọi là tương ứng với nhân. Ba loại sau hỏi-đáp như trước nên biết.

Có người nói: Trong này dựa vào ba nhân mà soạn luận, đó là nhân Tương ứng-nhân Câu hữu và nhân Đồng loại, bởi vì ba nhân này bao gồm ba tánh.

Có người nói: Trong này dựa vào bốn nhân mà soạn luận, đó là trừ ra nhân Đồng loại và nhân Biến hành, bởi vì bốn nhân này bao gồm ba đời.

Có người nói: Trong này dựa vào năm nhân mà soạn luận, đó là trừ ra nhân Năng tác, bởi vì bao gồm vô vi chứ không phải là tự mình hơn hẳn.

Có người nói: Trong này dựa vào sáu nhân mà soạn luận, bởi vì ở đây đã nói về nhân là nói tổng quát. Nhưng pháp tương ứng hoặc là làm tự Thể của sáu nhân, hoặc là làm tự Thể của năm nhân, hoặc là làm tự Thể của bốn nhân, như chương Đại Chung Uẩn nói rộng ra, dựa vào ý nghĩa ấy để giải thích về văn này.

Hỏi: Hai mươi hai căn này, mấy loại tương ứng với nhân?

Đáp: Mười bốn loại, đó là tự Thể của sáu nhân, căn tương ứng với pháp tự Thể của sáu nhân; tự Thể của năm nhân, căn tương ứng với pháp tự Thể của năm nhân; tự Thể của bốn nhân, căn tương ứng với pháp tự Thể của bốn nhân, cho nên gọi là tương ứng với nhân. Ba loại sau hỏi-đáp như trước nên biết.

Hai mươi hai căn này, mấy loại duyên với có duyên? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn ngăn chặn ý nói về sở duyên duyên không phải là thật, hiển bày về sở duyên duyên là có thật, mà soạn ra phần luận này.

Hỏi: Hai mươi hai căn này, mấy loại duyên với có duyên?

Đáp: Phần ít của mười ba loại, đó là phần ít của Ý-Lạc-Hỷ-Uu-Xả căn, năm căn như Tín...và ba căn Vô lậu. Bởi vì có pháp sở duyên làm sở duyên cho những loại này, cho nên nói những loại này làm thành câu duyên với có duyên. Như người mắt sáng nhìn thấy người mắt sáng, người mắt sáng kia lại có những điều nhìn thấy; câu duyên với có duyên nên biết cũng như vậy.

Hỏi: Mấy loại duyên với không có duyên?

Đáp: Một loại và phần ít của mười ba loại. Một loại, đó là Khổ căn. Phần ít của mười ba loại, như trước đã nói. Bởi vì pháp không có sở duyên làm sở duyên cho những loại này, cho nên nói những loại này làm thành câu duyên với không có duyên. Như người mắt sáng nhìn thấy người mù mắt, người mù mắt kia lại không nhìn thấy gì; câu duyên với không có duyên nên biết cũng như vậy.

Hỏi: Mấy loại duyên với có duyên, duyên với không có duyên?

Đáp: Ngay phần ít của mười ba loại trước, bởi vì pháp có sở duyên và không có sở duyên, làm sở duyên cho những loại này, cho nên nói những loại này làm thành câu duyên với có duyên, duyên với không có duyên. Như người mắt sáng nhìn thấy người mắt sáng và người mù mắt, người mắt sáng kia lại có những điều nhìn thấy, người mù mắt kia lại không nhìn thấy gì; câu duyên với có duyên, duyên với không có duyên, nên biết cũng như vậy.

Có người khác nói rằng: Nghĩa của câu thứ ba này, tức là kết hợp câu thứ nhất và câu thứ hai, lại không có Thể khác nhau.

Cách nói này không đúng, bởi vì cùng với bản luận trái ngược nhau. Như phẩm luận về Thập Môn nói: “Duyên với pháp có duyên, là tùy miên tùy tăng duyên với hữu vi; duyên với pháp không có duyên, là tất cả tùy miên tùy tăng; duyên với pháp có duyên, duyên với pháp không có duyên, là tùy miên tùy tăng duyên với hữu vi; không phải là duyên với pháp có duyên, không phải là duyên với pháp không có duyên, là tùy miên tùy tăng duyên với hữu lậu, nhưng có ý thức và pháp tương ứng, trong một sát-na duyên chung với pháp có duyên và pháp không có duyên.” Vì vậy như trước đã nói là hợp lý.

Hỏi: Mấy loại không phải là duyên với có duyên, không phải là

duyên với không có duyên? Đáp: Tám loại, đó là bảy Sắc căn và Mạng căn, bởi vì những loại này không duyên với pháp có sở duyên-pháp không có sở duyên, cho nên nói những loại này làm thành câu không phải là duyên với có duyên-không phải là duyên với không có duyên. Như người mù mắt hoàn toàn không nhìn thấy gì, câu này cũng như vậy.

Trong này sơ lược nêu ra hai mươi hai căn, bốn câu sai biệt như duyên với có duyên... đã nói trong phẩm luận về Thập Môn.

Mười tám Giới... cũng thuận theo dùng bốn câu này để phân biệt, đó là trong mười tám Giới thì mười Sắc giới làm câu thứ tư, năm Thức giới làm câu thứ hai, Ý giới-Ý thức giới làm ba câu trước, Pháp giới đầy đủ làm bốn câu.

Trong mười hai Xứ thì mười Sắc xứ làm câu thứ tư, Ý xứ làm ba câu trước, Pháp xứ đầy đủ làm bốn câu.

Trong năm Uẩn thì Sắc uẩn làm câu thứ tư, Thọ-Tưởng-Thức uẩn làm ba câu trước, Hành uẩn đầy đủ làm bốn câu. Như Uẩn, Thủ uẩn cũng như vậy.

Trong sáu Giới thì năm Sắc giới làm câu thứ tư, Thức giới làm ba câu trước.

Pháp có sắc, pháp có thể thấy, pháp có đối, pháp vô vi, Diệt đế, làm câu thứ tư. Pháp không có sắc, pháp không có thấy, pháp không có đối, pháp hữu lậu, pháp vô lậu, pháp hữu vi, pháp quá khứ-vị lai-hiện tại, pháp thiện-bất thiện-vô ký, pháp hệ thuộc cõi Dục-Sắc-Vô sắc, pháp Học-Vô học-Phi học phi vô học, pháp do kiến-tu mà đoạn và không đoạn, Khổ-Tập-Đạo đế, Tĩnh lự-Vô sắc, đều đầy đủ làm bốn câu.

Trong bốn Vô lượng, nếu chọn lấy tự tánh, duyên với tâm hữu tình trú vào Đồng phần, thì làm câu thứ ba; nếu duyên với tâm hữu tình không trú vào Đồng phần, thì làm câu thứ hai; nếu cùng chọn lấy tương ưng-tùy chuyển, duyên với tâm hữu tình trú vào Đồng phần, thì làm câu thứ ba-thứ tư; nếu duyên với tâm hữu tình không trú vào Đồng phần, thì làm câu thứ hai-thứ tư.

Ba Giải thoát đầu-Thắng xứ và tám Biến xứ trước, nếu chọn lấy tự tánh thì làm câu thứ hai; nếu cùng chọn lấy tương ưng-tùy chuyển, thì làm câu thứ hai-thứ tư. Diệt thọ tưởng giải thoát làm câu thứ tư, bốn Giải thoát còn lại đầy đủ làm bốn câu.

Hai Biến xứ sau làm câu thứ ba-thứ tư, Diệt trí- Đẳng trì Vô tướng làm câu thứ hai, Tha tâm trí làm câu thứ nhất, sáu Trí và hai Đẳng trì

còn lại, làm ba câu trước.

Trong các môn phiền não, năm Thức tương ứng thì làm câu thứ hai, Ý thức tương ứng thì làm ba câu trước. Trong này nói rộng, sai biệt nên suy nghĩ.

Hỏi: Các căn thuộc pháp này thì căn ấy là dị sinh chăng? Giả sử căn thuộc dị sinh thì căn ấy là pháp này chăng?

Đáp: Các căn thuộc pháp này thì căn ấy không phải là dị sinh, các căn thuộc dị sinh thì căn ấy không phải là pháp này.

Hỏi: Pháp này là gì, dị sinh là gì?

Đáp: Pháp này gọi là Thánh giả, dị sinh tức là dị sinh. Các căn thuộc pháp này thì căn ấy không phải là dị sinh, đó là các căn Vô lậu, chỉ có Thánh giả thành tựu chứ không phải là các dị sinh. Các căn thuộc dị sinh thì căn ấy không phải là pháp này, đó là căn do kiến mà đoạn, chỉ có dị sinh thành tựu chứ không phải là các Thánh giả.

Có người nói: Pháp này, nghĩa là trú trong Khổ pháp trí nhãn; dị sinh, nghĩa là trú trong Thế đệ nhất pháp. Các căn thuộc pháp này thì căn ấy không phải là dị sinh, đó là các căn câu sinh thuộc Khổ pháp trí nhãn, chỉ có người trú trong Khổ pháp trí nhãn mới hiện khởi, chứ không phải là người trú trong Thế đệ nhất pháp. Các căn thuộc dị sinh thì căn ấy không phải là pháp này, đó là các căn câu sinh thuộc Thế đệ nhất pháp, chỉ có người trú trong Thế đệ nhất pháp mới hiện khởi, chứ không phải là người trú trong Khổ pháp trí nhãn.

Có người nói: Pháp này, nghĩa là trú trong luật nghi; dị sinh, nghĩa là trú vào không luật nghi. Các căn của người trú trong luật nghi mà hiện khởi, thì căn ấy không phải là người trú vào không luật nghi mà hiện khởi. Các căn của người trú vào không luật nghi mà hiện khởi, thì căn ấy không phải là người trú trong luật nghi mà hiện khởi.

Có người nói: Pháp này, nghĩa là căn không thiếu sót; dị sinh, nghĩa là căn thiếu sót, như Phiến-tĩ-bán-trạch-ca, không có hình thể, hai hình thể... Các căn của người có căn không thiếu sót mà hiện khởi, thì căn ấy không phải là người có căn thiếu sót mà hiện khởi. Các căn của người có căn thiếu sót mà hiện khởi, thì căn ấy không phải là người có căn không thiếu sót mà hiện khởi.

Có người nói: Pháp này, nghĩa là không đoạn căn thiện; dị sinh, nghĩa là đoạn căn thiện. Các căn như Tín..., do người không đoạn căn thiện mà hiện khởi, thì căn ấy không phải là người đoạn căn thiện mà hiện khởi. Các căn câu sinh thuộc tà kiến, do người đoạn căn thiện mà hiện khởi, thì căn ấy không phải là người không đoạn căn thiện mà hiện

khởi.

Có người nói: Pháp này, nghĩa là trú trong tụ Chánh định; dị sinh, nghĩa là trú trong tụ Tà định. Các căn của người trú trong tụ Chánh định mà hiện khởi, thì căn ấy không phải là người trú trong tụ Tà định mà hiện khởi. Các căn của người trú trong tụ Tà định mà hiện khởi, thì căn ấy không phải là người trú trong tụ Chánh định mà hiện khởi.

Có người nói: Pháp này, nghĩa là trú trong năm cõi trời Tịnh Cư; dị sinh, nghĩa là trú trong năm xứ sở của dị sinh. Các căn của người trú trong năm cõi trời Tịnh Cư mà hiện khởi, thì căn ấy không phải là người trú trong năm xứ sở của dị sinh mà hiện khởi. Các căn của người trú trong năm xứ sở của dị sinh mà hiện khởi, thì căn ấy không phải là người trú trong năm cõi trời Tịnh Cư mà hiện khởi.

Hỏi: Sắc uẩn thâm nhiếp mấy căn?

Đáp: Bảy căn, đó là bảy Sắc căn như Nhãn...

Hỏi: Thọ uẩn thâm nhiếp mấy căn?

Đáp: Năm căn và phần ít của ba căn. Năm căn, đó là năm Thọ căn. Phần ít của ba căn, đó là phần ít của ba căn Vô lậu, bởi vì ba căn Vô lậu lấy chín pháp làm Thể, Thọ uẩn chỉ thâm nhiếp ba loại, cho nên nói là phần ít.

Hỏi: Tưởng uẩn thâm nhiếp mấy căn?

Đáp: Không có, bởi vì Tưởng không phải là căn.

Hỏi: Hành uẩn thâm nhiếp mấy căn?

Đáp: Sáu căn và phần ít của ba căn. Sáu căn, đó là Mạng căn và năm căn như Tín... Phần ít của ba căn, đó là phần ít của ba căn Vô lậu, bởi vì ba căn Vô lậu lấy chín pháp làm Thể, Hành uẩn chỉ thâm nhiếp năm loại, cho nên nói là phần ít.

Hỏi: Thức uẩn thâm nhiếp mấy căn?

Đáp: Một căn và phần ít của ba căn. Một căn, đó là Ý căn. Phần ít của ba căn, đó là phần ít của ba căn Vô lậu, bởi vì ba căn Vô lậu lấy chín pháp làm Thể, Thức uẩn chỉ thâm nhiếp một loại, cho nên nói là phần ít.

Hỏi: Căn thiện thâm nhiếp mấy Giới-mấy Xứ-mấy Uẩn?

Đáp: Tám Giới-hai Xứ-ba Uẩn. Tám Giới, đó là bảy Tâm giới và Pháp giới. Hai Xứ, đó là Ý xứ và Pháp xứ. Ba Uẩn, đó là Thọ uẩn-Hành uẩn và Thức uẩn.

Hỏi: Chỉ thâm nhiếp căn thiện, có mấy Giới-mấy Xứ-mấy Uẩn?

Đáp: Không có.

Hỏi: Căn bất thiện thâm nhiếp mấy Giới-mấy Xứ-mấy Uẩn?

Đáp: Tám Giới-hai Xứ-hai Uẩn. Tám Giới, đó là bảy Tâm giới và Pháp giới. Hai Xứ, đó là Ý xứ và Pháp xứ. Hai Uẩn, đó là Thọ uẩn và Thức uẩn.

Hỏi: Chỉ thân nhiếp căn bất thiện, có mấy Giới-mấy Xứ-mấy Uẩn?

Đáp: Không có.

Hỏi: Căn hữu phú vô ký thân nhiếp mấy Giới-mấy Xứ-mấy Uẩn?

Đáp: Sáu Giới- hai Xứ- hai Uẩn. Sáu Giới, đó là Nhãn thức giới- Nhĩ thức giới-Thân thức giới-Ý giới-Ý thức giới và Pháp giới. Hai Xứ, đó là Ý xứ và Pháp xứ. Hai Uẩn, đó là Thọ uẩn và Thức uẩn.

Hỏi: Chỉ thân nhiếp căn hữu phú vô ký, có mấy Giới-mấy Xứ-mấy Uẩn?

Đáp: Không có.

Hỏi: Căn vô phú vô ký thân nhiếp mấy Giới- mấy Xứ- mấy Uẩn?

Đáp: Mười ba Giới- bảy Xứ- bốn Uẩn. Mười ba Giới, đó là mười hai Giới bên trong và Pháp giới. Bảy Xứ, đó là sáu Xứ bên trong và Pháp xứ. Bốn Uẩn, đó là trừ ra Tưởng uẩn.

Hỏi: Chỉ thân nhiếp căn vô phú vô ký, có mấy Giới-mấy Xứ-mấy Uẩn?

Đáp: Năm Giới- năm Xứ, không phải là Uẩn. Năm Giới, đó là năm Giới thuộc Sắc căn như Nhãn... Năm Xứ, đó là năm Xứ thuộc Sắc căn như Nhãn... Không phải là Uẩn, đó là không có Uẩn, bởi vì chỉ là vô phú vô ký.

Hỏi: Căn pháp thân nhiếp mấy Giới- mấy Xứ- mấy Uẩn?

Đáp: Mười ba Giới-bảy Xứ-bốn Uẩn. Mười ba Giới, đó là mười hai Giới bên trong và Pháp giới. Bảy Xứ, đó là sáu Xứ bên trong và Pháp xứ. Bốn Uẩn, đó là trừ ra Tưởng uẩn.

Hỏi: Chỉ thân nhiếp căn pháp, có mấy Giới- mấy Xứ-mấy Uẩn?

Đáp: Mười hai Giới- sáu Xứ- hai Uẩn. Mười hai Giới, đó là mười hai Giới bên trong. Sáu Xứ, đó là sáu Xứ bên trong. Hai Uẩn, đó là Thọ uẩn và Thức uẩn.

Hỏi: Phi căn pháp thân nhiếp mấy Giới- mấy Xứ-mấy Uẩn?

Đáp: Sáu Giới-sáu Xứ-ba Uẩn. Sáu Giới, đó là sáu Giới bên ngoài. Sáu Xứ, đó là sáu Xứ bên ngoài. Ba Uẩn, đó là Sắc uẩn- Tưởng uẩn và Hành uẩn.

Hỏi: Chỉ thân nhiếp phi căn pháp, có mấy Giới-mấy Xứ-mấy

Uẩn?

Đáp: Năm Giới-năm Xứ-một Uẩn. Năm Giới, đó là năm Sắc giới bên ngoài. Năm Xứ, đó là năm Sắc xứ bên ngoài. Một Uẩn, đó là Tướng uẩn.

Hỏi: Căn-phi căn pháp thâm nhiếp mấy Giới-mấy Xứ-mấy Uẩn?

Đáp: Mười tám Giới-mười hai Xứ-năm Uẩn.

Hỏi: Chỉ thâm nhiếp căn-phi căn pháp, có mấy Giới-mấy Xứ-mấy Uẩn?

Đáp: Một Giới-một Xứ-hai Uẩn. Một Giới, đó là Pháp giới. Một Xứ, đó là Pháp xứ. Hai Uẩn, đó là Sắc uẩn và Hành uẩn.

Có thể căn làm duyên sinh ra căn chăng? Cho đến nói rộng ra.

Có người nói: Trong này có một lần nêu ra, một lần giải thích, một lần giải thích rộng ra. Như nói: “Có thể căn làm duyên sinh ra căn chăng?... Là nêu ra. Có thể Nhãn căn làm duyên sinh ra Nhãn căn chăng?... Là giải thích. Nhãn căn cùng với Nhãn căn làm mấy duyên?... Là giải thích rộng ra.”

Có người nói: Trong này có ba lần nêu ra, ba lần giải thích, ba lần giải thích rộng ra. Như nói: “Có thể căn làm duyên sinh ra căn chăng? Là nêu ra. Trả lời: Sinh ra. Là giải thích. Sinh ra phi căn chăng? Là giải thích rộng ra. Có thể Nhãn căn làm duyên sinh ra Nhãn căn chăng? Là nêu ra. Trả lời: Sinh ra. Là giải thích. Sinh ra Nhĩ căn cho đến sinh ra Cụ tri căn chăng?... Là giải thích rộng ra. Nhãn căn cùng với Nhãn căn làm mấy duyên? Là nêu ra. Trả lời: Nhân và Tăng thượng. Là giải thích. Cho đến cùng với Cụ tri căn làm Sở duyên-Tăng thượng... Là giải thích rộng ra.”

Có người nói: Trong này có ba lần nêu ra, ba lần giải thích. Như nói: “Có thể căn làm duyên sinh ra căn chăng?... Là nêu ra. Trả lời: Sinh ra... Là giải thích. Có thể Nhãn căn làm duyên sinh ra Nhãn căn chăng?... Là nêu ra. Trả lời: Sinh ra... Là giải thích. Nhãn căn cùng với Nhãn căn làm mấy duyên?... Là nêu ra. Trả lời: Nhân và Tăng thượng... Là giải thích.”

Hỏi: Có thể căn làm duyên sinh ra căn chăng?

Đáp: Sinh ra.

Hỏi: Thế nào là sinh ra?

Đáp: Như Nhãn làm sở y, sinh ra Ý căn-ba Thọ và năm căn như Tín...; hoặc là Nhãn làm sở duyên, sinh ra Ý căn-bốn Thọ- năm căn như Tín... và ba căn Vô lậu.

Hỏi: Có thể căn làm duyên sinh ra phi căn chăng?



Đáp: Sinh ra.

Hỏi: Thế nào là sinh ra?

Đáp: Như Nhãn làm sở y, sinh ra Tưởng-Tư-Xúc-Tác ý...; hoặc là Nhãn làm sở duyên, sinh ra Tưởng-Tư-Xúc-Tác ý, và Ác tác-Thụy miên...

Hỏi: Có thể căn làm duyên sinh ra căn-phi căn chăng?

Đáp: Sinh ra.

Hỏi: Thế nào là sinh ra?

Đáp: Như Nhãn làm sở y, sinh ra Ý căn-ba Thọ-năm căn như Tín..., và Tưởng-Tư-Xúc-Tác ý...; hoặc là Nhãn làm sở duyên, sinh ra Ý căn-bốn Thọ-năm căn như Tín..., ba căn Vô lậu, Tưởng-Tư-Xúc-Tác ý..., và Ác tác-Thụy miên...

Hỏi: Có thể phi căn làm duyên sinh ra phi căn chăng?

Đáp: Sinh ra.

Hỏi: Thế nào là sinh ra?

Đáp: Như sắc làm sở duyên, sinh ra Tưởng-Tư-Xúc-Tác ý..., và Ác tác-Thụy miên...

Hỏi: Có thể phi căn làm duyên sinh ra căn chăng?

Đáp: Sinh ra.

Hỏi: Thế nào là sinh ra?

Đáp: Như sắc làm sở duyên, sinh ra Ý căn-năm Thọ-năm căn như Tín..., và ba căn Vô lậu.

Hỏi: Có thể phi căn làm duyên sinh ra căn-phi căn chăng? Đáp: Sinh ra.

Hỏi: Thế nào là sinh ra?

Đáp: Như sắc làm sở duyên, sinh ra Ý căn-năm Thọ-năm căn như Tín..., ba căn Vô lậu, Tưởng-Tư-Xúc-Tác ý..., và Ác tác-Thụy miên...

Hỏi: Có thể căn-phi căn làm duyên sinh ra căn-phi căn chăng?

Đáp: Sinh ra.

Hỏi: Thế nào là sinh ra?

Đáp: Như Nhãn làm sở y, sắc làm sở duyên, sinh ra Ý căn-ba Thọ-năm căn như Tín..., Tưởng-Tư-Xúc-Tác ý...

Hỏi: Có thể căn-phi căn làm duyên sinh ra căn chăng?

Đáp: Sinh ra.

Hỏi: Thế nào là sinh ra?

Đáp: Như Nhãn làm sở y, sắc làm sở duyên, sinh ra Ý căn-ba Thọ và năm căn như Tín...

Hỏi: Có thể căn-phi căn làm duyên sinh ra phi căn chăng?

Đáp: Sinh ra.

Hỏi: Thế nào là sinh ra?

Đáp: Như Nhãn làm sở y, sắc làm sở duyên, sinh ra Tưởng-Tư-Xúc-Tác ý...

Có người khác đối với phần này đưa ra văn thứ hai.

Hỏi: Có thể căn làm duyên chỉ sinh ra căn chăng?

Đáp: Không sinh ra, bởi vì căn này cũng sinh ra phi căn.

Hỏi: Có thể căn làm duyên chỉ sinh ra phi căn chăng?

Đáp: Không sinh ra, bởi vì căn này cũng sinh ra căn.

Hỏi: Có thể căn làm duyên chỉ sinh ra căn-phi căn chăng?

Đáp: Sinh ra.

Hỏi: Thế nào là sinh ra?

Đáp: Như Nhãn làm sở y, sinh ra Ý căn-ba Thọ-năm căn như Tín..., Tưởng-Tư-Xúc-Tác ý...

Hỏi: Có thể phi căn làm duyên chỉ sinh ra phi căn chăng?

Đáp: Không sinh ra, bởi vì phi căn này cũng sinh ra căn.

Hỏi: Có thể phi căn làm duyên chỉ sinh ra căn chăng?

Đáp: Không sinh ra, bởi vì phi căn này cũng sinh ra phi căn.

Hỏi: Có thể phi căn làm duyên chỉ sinh ra căn-phi căn chăng?

Đáp: Sinh ra.

Hỏi: Thế nào là sinh ra?

Đáp: Như sắc làm sở duyên, sinh ra Ý căn- năm Thọ-năm căn như Tín..., ba căn Vô lậu, Tưởng-Tư-Xúc-Tác ý..., và Ác tác-Thụy miên...

Hỏi: Có thể căn-phi căn làm duyên chỉ sinh ra căn-phi căn chăng?

Đáp: Sinh ra.

Hỏi: Thế nào là sinh ra? Đáp: Như Nhãn làm sở y, sắc làm sở duyên, sinh ra Ý căn-ba Thọ-năm căn như Tín..., Tưởng-Tư-Xúc-Tác ý...

Hỏi: Có thể căn-phi căn làm duyên chỉ sinh ra căn chăng?

Đáp: Không sinh ra, bởi vì căn-phi căn này cũng sinh ra phi căn.

Hỏi: Có thể căn-phi căn làm duyên chỉ sinh ra phi căn chăng?

Đáp: Không sinh ra, bởi vì căn-phi căn này cũng sinh ra căn.

Có người khác đối với phần này đưa ra văn thứ ba.

Hỏi: Có thể chỉ có căn làm duyên sinh ra căn chăng?

Đáp: Không sinh ra, bởi vì căn này cũng duyên với phi căn mà sinh ra.

Hỏi: Có thể chỉ có căn làm duyên sinh ra phi căn chăng?

Đáp: Không sinh ra, bởi vì phi căn này cũng duyên với phi căn mà sinh ra.

Hỏi: Có thể chỉ có căn làm duyên sinh ra căn-phi căn chăng?

Đáp: Không sinh ra, bởi vì căn-phi căn này cũng duyên với phi căn mà sinh ra.

Hỏi: Có thể chỉ có phi căn làm duyên sinh ra phi căn chăng?

Đáp: Không sinh ra, bởi vì phi căn này cũng duyên với căn mà sinh ra.

Hỏi: Có thể chỉ có phi căn làm duyên sinh ra căn-phi căn chăng?

Đáp: Không sinh ra, bởi vì căn này cũng duyên với căn mà sinh ra.

Hỏi: Có thể chỉ có phi căn làm duyên sinh ra căn-phi căn chăng?

Đáp: Không sinh ra, bởi vì căn-phi căn này cũng duyên với căn mà sinh ra.

Hỏi: Có thể chỉ có căn-phi căn làm duyên sinh ra căn-phi căn chăng?

Đáp: Sinh ra, nói rộng ra như trên.

Hỏi: Có thể chỉ có căn-phi căn làm duyên sinh ra căn-phi căn chăng?

Đáp: Sinh ra, nói rộng ra như trên.

Hỏi: Có thể chỉ có căn-phi căn làm duyên sinh ra phi căn chăng?

Đáp: Sinh ra, nói rộng ra như trên.

Hỏi: Có thể Nhãn căn làm duyên sinh ra Nhãn căn chăng?

Đáp: Sinh ra.

Hỏi: Thế nào là sinh ra?

Đáp: Đó là không ngăn cản sinh ra và chỉ có không trở ngại gì.

Hỏi: Có thể Nhãn căn làm duyên sinh ra Nhĩ căn cho đến Cự tri căn chăng?

Đáp: Sinh ra.

Hỏi: Thế nào là sinh ra?

Đáp: Như Nhãn làm sở y, sinh ra Ý căn-ba Thọ và năm căn như Tín...; hoặc là Nhãn làm sở duyên, sinh ra Ý căn-bốn Thọ, năm căn như Tín..., và ba căn Vô lậu; hoặc là bài báng Nhãn căn rơi vào các nẻo ác, nhận lấy dị thực của các Sắc căn-Mạng căn-Ý căn-Khổ căn; hoặc là tin tưởng Nhãn căn sinh vào các nẻo thiện, nhận lấy dị thực của các Sắc căn-Mạng căn-Ý căn-Lạc căn-Hỷ căn-Xả căn. Đó gọi là Nhãn căn làm duyên sinh ra Nhĩ căn cho đến Cự tri căn. Như Nhãn căn, Nhĩ-Tỷ-Thiệt-Thân-Nữ-Nam-Mạng căn cũng như vậy. Nhưng có sai biệt, đó là Nữ căn-Nam căn không phải là sở y của Khổ căn và năm căn như Tín...,

Mạng căn không phải là sở y của tất cả các căn.

Hỏi: Có thể Ý căn làm duyên sinh ra Ý căn chẳng? Sinh ra Nhãn căn cho đến Cụ tri căn chẳng?

Đáp: Sinh ra.

Hỏi: Thế nào là sinh ra?

Đáp: Như Ý căn làm sở y, sinh ra Ý căn-năm Thọ-năm căn như Tín..., và ba căn Vô lậu; hoặc là Ý căn làm sở duyên, sinh ra Ý căn-bốn Thọ-năm căn như Tín..., và ba căn Vô lậu; hoặc là bài báng Ý căn rơi vào các nẻo ác, nhận lấy dị thực của các Sắc căn-Mạng căn- Ý căn-Khổ căn; hoặc là tin tưởng Ý căn sinh vào các nẻo thiện, nhận lấy dị thực của các Sắc căn-Mạng căn-Ý căn-Lạc căn-Hỷ căn-Xả căn. Vả lại, Ý căn có thiện và bất thiện, thiện thì ở nẻo thiện nhận lấy dị thực của các Sắc căn-Mạng căn-Ý căn-Lạc căn-Hỷ căn-Xả căn; bất thiện thì ở nẻo ác nhận lấy dị thực của các Sắc căn-Mạng căn-Ý căn-Khổ căn. Như Ý căn, năm Thọ căn-năm căn như Tín...cũng như vậy. Nhưng có sai biệt, đó là tất cả không phải là sở y, Khổ căn đối với chính mình không phải là sở duyên, năm căn như Tín...không phải là bất thiện.

Hỏi: Có thể Vị tri đương tri căn làm duyên sinh ra Vị tri đương tri căn chẳng? Sinh ra Nhãn căn cho đến Cụ tri căn chẳng?

Đáp: Sinh ra.

Hỏi: Thế nào là sinh ra?

Đáp: Như Vị tri đương tri căn làm sở y, sinh ra Vị tri đương tri căn-Dĩ tri căn-Ý căn-ba Thọ-năm căn như Tín...; hoặc là Vị tri đương tri căn làm sở duyên, sinh ra Ý căn-bốn Thọ-năm căn như Tín...và ba căn Vô lậu; hoặc là bài báng Vị tri đương tri căn rơi vào các nẻo ác, nhận lấy dị thực của các Sắc căn-Mạng căn-Ý căn-Khổ căn; hoặc là tin tưởng Vị tri đương tri căn sinh vào các nẻo thiện, nhận lấy dị thực của các Sắc căn-Mạng căn-Ý căn-Lạc căn-Hỷ căn-Xả căn. Như Vị tri đương tri căn, Dĩ tri căn và Cụ tri căn cũng như vậy. Nhưng có sai biệt, đó là Dĩ tri căn làm sở y, sinh ra Dĩ tri căn-Cụ tri căn-Ý căn-ba Thọ-năm căn như Tín...; Cụ tri căn làm sở y, sinh ra Cụ tri căn-Ý căn-ba Thọ-năm căn như Tín...

Hỏi: Nhãn căn cùng với Nhãn căn làm mấy duyên, cùng với Nhĩ căn cho đến Cụ tri căn làm mấy duyên? Cho đến Cụ tri căn cùng với Cụ tri căn làm mấy duyên, cùng với Nhãn căn cho đến Dĩ tri căn làm mấy duyên?

Đáp: Nhãn căn cùng với Nhãn căn, làm Nhân và Tăng thượng. Nhân là một Nhân, đó là nhân Đồng loại. Tăng thượng, đó là không

ngăn cản sinh ra và chỉ có không trở ngại gì, nghĩa về Tăng thượng sau này đều nói giống như ở đây. Cùng với Sắc căn khác và Mạng căn-Khổ căn, làm một Tăng thượng. Cùng với căn khác làm Sở duyên-Tăng thượng. Căn khác, đó là Ý căn-bốn Thọ-năm căn như Tín... và ba căn Vô lậu. Như Nhân căn, Nhĩ-Tỷ-Thiệt căn cũng như vậy.

Thân căn cùng với Thân căn-Nữ căn-Nam căn, làm Nhân và Tăng thượng. Nhân là một Nhân, đó là nhân Đồng loại. Cùng với Sắc căn khác và Mạng căn-Khổ căn, làm một Tăng thượng. Cùng với căn khác làm Sở duyên-Tăng thượng. Căn khác, như trước nói.

Nữ căn cùng với Nữ căn-Thân căn, làm Nhân và Tăng thượng. Nhân là một Nhân, đó là nhân Đồng loại. Cùng với Sắc căn khác và Mạng căn-Khổ căn, làm một Tăng thượng. Cùng với căn khác làm Sở duyên-Tăng thượng. Căn khác, như trước nói. Như Nữ căn, Nam căn cũng như vậy.

Mạng căn cùng với Mạng căn, làm Nhân và Tăng thượng. Nhân là một Nhân, đó là nhân Đồng loại. Cùng với bảy Sắc căn-Khổ căn, làm một Tăng thượng. Cùng với căn khác làm Sở duyên-Tăng thượng. Căn khác, như trước nói.

Ý căn cùng với Ý căn, làm Nhân-Đẳng vô gián-Sở duyên-Tăng thượng. Nhân là ba Nhân, đó là nhân Đồng loại-Biến hành và Dị thực. Đẳng vô gián, đó là Ý căn đẳng vô gián, Ý căn hiện rõ ở trước mắt. Sở duyên, đó là Ý căn làm sở duyên cho Ý căn. Các nghĩa về Đẳng vô gián và Sở duyên, đều dựa theo đây mà nói. Cùng với bảy Sắc căn-Mạng căn, làm Nhân và Tăng thượng. Nhân là một Nhân, đó là nhân Dị thực. Cùng với Khổ căn, làm Nhân-Đẳng vô gián-Tăng thượng, không phải là Sở duyên. Nhân là năm Nhân, đó là nhân Tương ứng-Câu hữu-Đồng loại-Biến hành và Dị thực. Đẳng vô gián, đó là Ý căn đẳng vô gián, Khổ căn hiện rõ ở trước mắt. Không phải là Sở duyên, bởi vì Khổ căn duyên với sắc, Ý căn không phải là sắc. Cùng với căn khác làm Nhân-Đẳng vô gián-Sở duyên-Tăng thượng. Căn khác, đó là Lạc-Hỷ-Xả-Uu căn, năm căn như Tín..., ba căn Vô lậu. Đây là dựa vào duyên đầy đủ như nhau, cho nên nói chung. Nhưng mà Nhân có khác nhau, đó là cùng với Lạc-Hỷ-Xả căn làm năm Nhân, tức là năm Nhân như Tương ứng...; cùng với Ưu căn làm bốn Nhân, trừ ra nhân Dị thực; cùng với năm căn như Tín... và ba căn Vô lậu làm ba Nhân, tức là nhân Tương ứng-Câu hữu và Đồng loại. Như Ý căn, Lạc-Hỷ-Xả căn và năm căn như Tín..., cũng như vậy.

Nên biết rằng đây là dựa vào số lượng duyên như nhau mà nói

về tướng chung, nhưng bởi vì nhân duyên có sai biệt, e là văn cách xa, cho nên nay phân biệt đầy đủ. Đó là Lạc căn cùng với Lạc căn, làm Nhân-Đẳng vô gián-Sở duyên-Tăng thượng; Nhân là ba Nhân, đó là nhân Đồng loại-Biến hành và Dị thực. Cùng với bảy Sắc căn và Mạng căn, làm Nhân và Tăng thượng; Nhân là một Nhân, đó là nhân Dị thực. Cùng với Ý căn, làm Nhân-Đẳng vô gián-Sở duyên và Tăng thượng; Nhân là năm Nhân, đó là năm nhân như Tương ứng... Cùng với Khổ căn, làm Nhân-Đẳng vô gián và Tăng thượng, không phải là Sở duyên; Nhân là hai Nhân, đó là nhân Đồng loại và Dị thực; không phải là Sở duyên, bởi vì Khổ căn duyên với sắc, Lạc căn không phải là sắc. Cùng với Hỷ căn, làm Nhân-Đẳng vô gián-Sở duyên và Tăng thượng; Nhân là hai Nhân, đó là nhân Đồng loại và Dị thực. Cùng với Ưu căn, làm Nhân-Đẳng vô gián-Sở duyên và Tăng thượng; Nhân là một Nhân, đó là nhân Đồng loại. Cùng với Xả căn, làm Nhân-Đẳng vô gián-Sở duyên và Tăng thượng; Nhân là ba Nhân, đó là nhân Đồng loại-Biến hành và Dị thực. Cùng với năm căn như Tín... và ba căn Vô lậu, làm Nhân-Đẳng vô gián-Sở duyên và Tăng thượng; Nhân là ba Nhân, đó là nhân Tương ứng-Câu hữu và Đồng loại.

Hỷ căn cùng với Hỷ căn, làm Nhân-Đẳng vô gián-Sở duyên và Tăng thượng; Nhân là ba Nhân, đó là nhân Đồng loại-Biến hành và Dị thực. Cùng với bảy Sắc căn và Mạng căn, làm Nhân và Tăng thượng; Nhân là một Nhân, đó là nhân Dị thực. Cùng với Ý căn, làm Nhân-Đẳng vô gián-Sở duyên và Tăng thượng; Nhân là năm Nhân, đó là năm nhân như Tương ứng... Cùng với Lạc căn, làm Nhân-Đẳng vô gián-Sở duyên và Tăng thượng; Nhân là ba Nhân, đó là nhân Đồng loại-Biến hành và Dị thực. Cùng với Khổ căn, làm Nhân-Đẳng vô gián và Tăng thượng, không phải là Sở duyên; Nhân là ba Nhân, đó là nhân Đồng loại-Biến hành và Dị thực. Cùng với Ưu căn, làm Nhân-Đẳng vô gián-Sở duyên và Tăng thượng; Nhân là hai Nhân, đó là nhân Đồng loại và Biến hành. Cùng với Xả căn, làm Nhân-Đẳng vô gián-Sở duyên và Tăng thượng; Nhân là ba Nhân, đó là nhân Đồng loại-Biến hành và Dị thực. Cùng với năm căn như Tín... và ba căn Vô lậu, làm Nhân-Đẳng vô gián-Sở duyên và Tăng thượng; Nhân là ba Nhân, đó là nhân Tương ứng-Câu hữu và Đồng loại.

Xả căn cùng với Xả căn, làm Nhân-Đẳng vô gián-Sở duyên và Tăng thượng; Nhân là ba Nhân, đó là nhân Đồng loại-Biến hành và Dị thực. Cùng với bảy Sắc căn và Mạng căn, làm Nhân và Tăng thượng; Nhân là một Nhân, đó là nhân Dị thực. Cùng với Ý căn, làm Nhân-

Đẳng vô gián-Sở duyên và Tăng thượng; Nhân là năm Nhân, đó là năm nhân như Tương ứng... Cùng với Lạc căn-Hỷ căn, làm Nhân-Đẳng vô gián-Sở duyên và Tăng thượng; Nhân là ba Nhân, đó là nhân Đồng loại-Biến hành và Dị thực. Cùng với Khổ căn, làm Nhân-Đẳng vô gián và Tăng thượng, không phải là Sở duyên; Nhân là ba Nhân, đó là nhân Đồng loại-Biến hành và Dị thực. Cùng với Ưu căn, làm Nhân-Đẳng vô gián-Sở duyên và Tăng thượng; Nhân là hai Nhân, đó là nhân Đồng loại và Biến hành. Cùng với năm căn như Tín... và ba căn Vô lậu, làm Nhân-Đẳng vô gián-Sở duyên và Tăng thượng; Nhân là ba Nhân, đó là nhân Tương ứng-Câu hữu và Đồng loại.

Tín căn cùng với Tín căn, làm Nhân-Đẳng vô gián-Sở duyên và Tăng thượng; Nhân là một Nhân, đó là nhân Đồng loại. Cùng với bảy Sắc căn-Mạng căn, làm Nhân và Tăng thượng; Nhân là một Nhân, đó là nhân Dị thực. Cùng với Ý căn-Lạc căn-Hỷ căn-Xả căn, làm Nhân-Đẳng vô gián-Sở duyên và Tăng thượng; Nhân là bốn Nhân, trừ ra nhân Biến hành. Cùng với Khổ căn, làm Nhân-Đẳng vô gián và Tăng thượng, không phải là Sở duyên; Nhân là ba Nhân, đó là nhân Tương ứng-Câu hữu và Đồng loại. Cùng với Ưu căn, làm Nhân-Đẳng vô gián-Sở duyên và Tăng thượng; Nhân là ba Nhân, đó là nhân Tương ứng-Câu hữu và Đồng loại. Cùng với bốn căn như Tinh tiến... và ba căn Vô lậu, làm Nhân-Đẳng vô gián-Sở duyên và Tăng thượng; Nhân là ba Nhân, đó là nhân Tương ứng-Câu hữu và Đồng loại. Như Tín căn, bốn căn như Tinh tiến...cũng như vậy.

Khổ căn cùng với Khổ căn, làm Nhân-Đẳng vô gián và Tăng thượng, không phải là Sở duyên; Nhân là hai Nhân, đó là nhân Đồng loại và Dị thực; không phải là Sở duyên, bởi vì Khổ căn duyên với sắc, Khổ căn không phải là sắc. Cùng với bảy Sắc căn-Mạng căn, làm Nhân và Tăng thượng; Nhân là một Nhân, đó là nhân Dị thực. Cùng với ba căn Vô lậu, làm Sở duyên và Tăng thượng; Sở duyên, đó là làm sở duyên cho phẩm thuộc Khổ nhãn-Khổ trí và Tập nhãn-Tập trí. Cùng với căn khác, làm Nhân-Đẳng vô gián-Sở duyên và Tăng thượng. Căn khác, đó là Ý-Lạc-Hỷ-Xả-Ưu và năm căn như Tín...Đây cũng là duyên đầy đủ như nhau, cho nên nói chung. Nhưng mà Nhân có khác nhau, đó là cùng với Ý căn làm bốn Nhân, trừ ra nhân Biến hành; cùng với Lạc căn-Hỷ căn-Xả căn làm hai Nhân, đó là nhân Đồng loại và Dị thực; cùng với Ưu căn làm một Nhân, đó là nhân Đồng loại; cùng với năm căn như Tín...làm ba Nhân, đó là nhân Tương ứng- Câu hữu và Đồng loại.

Ưu căn cùng với Ưu căn, làm Nhân-Đẳng vô gián-Sở duyên và



Tăng thượng; Nhân là hai Nhân, đó là nhân Đồng loại và Biến hành. Cùng với bảy Sắc căn-Mạng căn, làm Nhân và Tăng thượng; Nhân là một Nhân, đó là nhân Dị thực. Cùng với Khổ căn, làm Nhân-Đẳng vô gián và Tăng thượng, không phải là Sở duyên; Nhân là ba Nhân, đó là nhân Đồng loại-Biến hành và Dị thực. Cùng với ba căn Vô lậu, làm Sở duyên và Tăng thượng; Sở duyên, đó là làm sở duyên cho phẩm thuộc Khổ nhãn-Khổ trí và Tập nhãn-Tập trí. Cùng với căn khác, làm Nhân-Đẳng vô gián-Sở duyên và Tăng thượng. Căn khác, đó là Ý-Lạc-Hỷ-Xả và năm căn như Tín... Đây cũng là duyên đầy đủ như nhau, cho nên nói chung. Nhưng mà Nhân có khác nhau, đó là cùng với Ý căn làm năm Nhân, đó là năm nhân như Tương ứng...; cùng với Lạc căn-Hỷ căn-Xả căn làm ba Nhân, đó là nhân Đồng loại-Biến hành và Dị thực; cùng với năm căn như Tín... làm ba Nhân, đó là nhân Tương ứng-Câu hữu và Đồng loại.

Vị tri đương tri căn cùng với Vị tri đương tri căn, làm Nhân-Đẳng vô gián-Sở duyên và Tăng thượng; Nhân là ba Nhân, đó là nhân Tương ứng-Câu hữu và Đồng loại; Sở duyên, đó là làm sở duyên cho phẩm thuộc Đạo nhãn-Đạo trí. Cùng với Cụ tri tri căn, làm Nhân-Sở duyên và Tăng thượng, không phải là Đẳng vô gián; Nhân là một Nhân, đó là nhân Đồng loại; Sở duyên, đó là làm sở duyên cho phẩm thuộc Đạo nhãn-Đạo trí; không phải là Đẳng vô gián, bởi vì Vị tri đương tri căn đẳng vô gián, Cụ tri căn không hiện rõ trước mắt. Cùng với bảy Sắc căn-Mạng căn-Khổ căn, làm một Tăng thượng. Cùng với Ưu căn, làm Sở duyên và Tăng thượng. Cùng với căn khác, làm Nhân-Đẳng vô gián-Sở duyên và Tăng thượng. Căn khác, đó là Ý-Lạc-Hỷ-Xả, năm căn như Tín... và Dĩ tri căn. Đây cũng là duyên đầy đủ như nhau, cho nên nói chung. Nhưng mà Nhân có khác nhau, đó là cùng với chín căn như Ý... làm ba Nhân, tức là nhân Tương ứng-Câu hữu và Đồng loại; cùng với Dĩ tri căn làm một Nhân, đó là nhân Đồng loại.

Dĩ tri căn cùng với Dĩ tri căn, làm Nhân-Đẳng vô gián-Sở duyên và Tăng thượng; Nhân là ba Nhân, đó là nhân Tương ứng-Câu hữu và Đồng loại. Cùng với bảy Sắc căn-Mạng căn-Khổ căn, làm một Tăng thượng. Cùng với Ưu căn-Vị tri đương tri căn, làm Sở duyên và Tăng thượng. Cùng với căn khác, làm Nhân-Đẳng vô gián-Sở duyên và Tăng thượng. Căn khác, đó là Ý-Lạc-Hỷ-Xả, năm căn như Tín... và Cụ tri căn. Đây cũng là duyên đầy đủ như nhau, cho nên nói chung. Nhưng mà Nhân có khác nhau, đó là cùng với chín căn như Ý... làm ba Nhân, tức là nhân Tương ứng-Câu hữu và Đồng loại; cùng với Cụ tri căn làm một



Nhân, đó là nhân Đồng loại.

Cụ tri căn cùng với Cụ tri căn, làm Nhân-Đẳng vô gián-Sở duyên và Tăng thượng; Nhân là ba Nhân, đó là nhân Tương ứng-Câu hữu và Đồng loại. Cùng với bảy Sắc căn-Mạng căn-Khổ căn, làm một Tăng thượng. Cùng với Ưu căn-Vị tri đương tri căn-Dĩ tri căn, làm Sở duyên và Tăng thượng. Cùng với căn khác, làm Nhân-Đẳng vô gián-Sở duyên và Tăng thượng. Căn khác, đó là Ý-Lạc-Hỷ-Xả và năm căn như Tín...; Nhân là ba Nhân, đó là nhân Tương ứng-Câu hữu và Đồng loại; Đẳng vô gián, đó là Cụ tri căn đẳng vô gián, chín căn như Ý...hiện rõ ở trước mắt; Sở duyên, đó là Cụ tri căn làm sở duyên cho chín căn như Ý...;Tăng thượng, nghĩa là không ngăn cản sinh ra và chỉ có không trở ngại gì.

-----